

LO I HÌNH DOANH NGHIỆP NÀO U TH H N?

ThS. Nguyễn Thị Kim Dung (*)

Bạn có muốn thành lập doanh nghiệp kinh doanh? Mong muốn làm giàu là nhu cầu chính đáng của mọi người. Nhà nước ta càng ngày càng tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tham gia vào hoạt động sản xuất - kinh doanh. Điều 33 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Khi muốn thành lập doanh nghiệp thì mọi người thường tìm hiểu xem mình đã điều kiện thành lập doanh nghiệp chưa? Mình có thể lựa chọn thành lập loại hình doanh nghiệp nào? Loại hình doanh nghiệp nào ưu thế hơn? Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp như thế nào?...

Qua tìm hiểu Luật Doanh nghiệp được thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/7/2015) (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp 2014), chúng tôi xin cung cấp một số thông tin sau:

1. Về quy định thành lập doanh nghiệp

Huấn luyện các cá nhân, tổ chức có quyền thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, chủ thể pháp nhân, tổ chức sau:

- a) Cơ quan nhà nước, nhân viên trong nhân dân sẵn sàng tài sản nhà nước thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, nhân viên mình;
- b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, nhân viên thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, nhân viên thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người có các làm đi theo quy định quản lý phân bổ góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;
- d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người có các làm đi theo quy định quản lý phân bổ góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- e) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

(*) Phó Trưởng Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quy định xử lý hành chính tức sẽ cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, cấm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định liên quan đến kinh doanh theo quy định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về pháp sư, phòng, chức năng tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

(Tham khảo điều 18 Luật Doanh nghiệp 2014)

Như vậy, điều kiện cá nhân từ 18 tuổi trở lên (không bao gồm tâm thần, không nghiện ma túy, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang là cán bộ, công chức, viên chức...) đều có quyền thành lập doanh nghiệp.

2. V trình t , th t c ng ký doanh nghiệp

Điều 27 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định:

“1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện quy định trong pháp luật đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình t , th t c, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, sơ đồ liên hệ thông tin giữa các cơ quan trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội và đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin internet.”

Hiểu một cách ngắn gọn là người thành lập doanh nghiệp đại diện quy định trong pháp luật đăng ký kinh doanh (S K ho ch u t), sau 03 ngày làm việc sẽ cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp rất gọn nhẹ (ví dụ điều kiện doanh nghiệp tư nhân chỉ cần có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân). Kể từ khi cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể tiến hành hoạt động sản xuất - kinh doanh hợp pháp.

3. c i m c a m t s lo i hình doanh nghi p

n c ta có th k n m t s lo i hình doanh nghi p ph bi n sau:

- Doanh nghi p t nhân
- Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên
- Công ty trách nhi m h u h n hai thành viên tr lên
- Công ty c ph n
- Công ty h p danh

Chúng ta xem xét c i m c a m t s lo i hình doanh nghi p xác nh lo i hình doanh nghi p nào có u th h n và ta ã có i u ki n thành l p lo i hình doanh nghi p ó ch a?

N u có m t ng i (không có s hùn h p v n v i ng i nào khác) thì ch có th thành l p Doanh nghi p t nhân ho c Công ty trách hi m h u h n m t thành viên; không th thành l p 03 lo i hình doanh nghi p còn l i (t rong s 05 lo i doanh nghi p k trên). N u có 02 thành viên góp v n cùng thành l p 01 doanh nghi p thì ch có th thành l p Công ty trách nhi m h u h n hai thành viên tr lên, không th thành l p 04 lo i hình doanh nghi p còn l i. N u có t 03 “ng i” tr lên cùng thành l p 01 doanh nghi p thì có th l a ch n thành l p Công ty trách nhi m h u h n hai thành viên tr lên ho c thành l p Công ty c ph n ho c thành l p Công ty h p danh.

N u l a ch n thành l p Doanh nghi p t nhân thì ch s h u (ch Doanh nghi p t nhân) ph i ch u trách nhi m tài s n vô h n v các ngh a v tài s n c a Doanh nghi p t nhân; còn n u không mu n nh h ng tài s n khác c a mình (c bi t không mu n liên l y, nh h ng n quy n l i c a nh ng nh ng thân) thì chúng ta có th l a ch n thành l p Công ty trách nhi m h u h n ho c Công ty c ph n (nh ng lo i hình công ty này thì ch ch u trách nhi m tài s n h u h n trong ph m vi v n i u l , ho c trong ph m vi ph n v n góp vào doanh nghi p).

N u l a ch n thành l p Doanh nghi p t nhân thì Doanh nghi p t nhân không có quy n phát hành ch ng khoán; n u l a ch n thành l p Công ty trách nhi m h u h n thì lo i hình công ty này không có quy n phát hành c ph n; còn thành l p Công ty c ph n thì lo i hình công ty này có quy n phát hành ch ng kho án. Nh v y, Công ty c ph n có cách th c huy ng v n linh ho t h n c . Tham gia vào Công ty c ph n thì sau này chuy n nh ng v n (c ph n) c ng t do h n; không c n ph i chào bán cho “các thành viên khác” nh Công ty trách nhi m h u h n hai thành viên tr lên.

Công ty hợp danh thì có ít nhất 02 thành viên hợp danh (Doanh nghiệp tư nhân có 01 chủ sở hữu thì Công ty hợp danh có ít nhất 02 chủ sở hữu). Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: các thành viên hợp danh là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. Các thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Ngoài ra, trong Công ty hợp danh còn có các thành viên góp vốn (nhưng người này chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty). Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Như vậy, Công ty hợp danh có một số đặc điểm của Doanh nghiệp tư nhân, nhưng thực tế nó có một số nét của Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Chúng tôi cung cấp một số thông tin trên, mong rằng tùy thuộc vào điều kiện, khả năng tham gia vào hoạt động sản xuất - kinh doanh; tùy thuộc vào quan niệm cá nhân mà bạn ra quyết định sáng suốt nhất để lựa chọn thành lập loại hình doanh nghiệp phù hợp nhất.